

QUYẾT ĐỊNH

**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 280/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:*

+ Ông **Lê Văn C**, sinh năm 1987

+ Bà **Hứa Thị B**, sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: Số 113 B, quận S, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn C và bà Hứa Thị B chung sống với nhau từ đầu năm 2008, nhưng cho đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận S. Hôn nhân tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm sống và tính tình không phù hợp, ông C làm nghề đi biển nên thường xuyên vắng nhà, bà B lấy cớ đó để gây gổ

với ông C, nên giữa vợ chồng thường xuyên xích mích, to tiếng. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay ông C và bà B xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông, bà được thuận tình ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông C và bà B đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông, bà.

[2] Về quan hệ con chung: Ông C và bà B xác định vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thị Tuyết N, sinh ngày 30/3/2009 và Lê Thị Yến N, sinh ngày 21/11/2014. Thuận tình ly hôn, ông C và bà B thỏa thuận giao con 02 con chung Lê Thị Tuyết N và Lê Thị Yến N cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, ông C không cấp dưỡng nuôi con chung. Ông C và bà B tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật HN&GD chấp nhận thỏa thuận nuôi con của ông bà.

[3] Về tài sản chung: Ông C và bà B xác định không có.

[4] Các vấn đề khác: Ông C và bà B xác định không có nợ chung.

Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông C và bà B tự nguyện chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn C và bà Hứa Thị B thống nhất thuận tình ly hôn. *(Theo giấy chứng nhận kết hôn số 134/2010, ngày do UBND phường N cấp ngày 26/10/2010).*

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Lê Thị Tuyết N, sinh ngày 30/3/2009 và Lê Thị Yến N, sinh ngày 21/11/2014 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông C không cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông C và bà B xác định không có.
- Các vấn đề khác: Ông C và bà B xác định không có nợ chung.

2. Về Lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông C và bà B tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 7570 ngày 25/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng. Ông C và bà B đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND phường N;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Đông Thanh